

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **265/2017/HNGĐ-ST**
Ngày 15 - 11 - 2017
(V/v tranh chấp HNGĐ xin ly hôn)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ninh Quang Thế

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông (Bà) Vương Văn Sáng

Ông (Bà) Thái Văn Trung

- Thư ký phiên tòa: Ông (Bà) Trần Thuý Kiều là thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau tỉnh Cà Mau.

Ngày 15 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 806/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp HNGĐ xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 838/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Hồng Thị P** – sinh năm: 1982 (Có mặt)

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Thanh N** – sinh năm: 1977 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Nhà không số, khóm C, phường S, Tp.M, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về hôn nhân: Ngày 19/12/1999 AI chị P và anh N tổ chức cưới gả theo phong tục tập quán nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống cách nay khoảng một năm hai người phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, hai người đã ly thân khoảng 01 năm nhưng vẫn còn sống chung nhà. Nay chị P yêu cầu ly hôn anh N. Anh N không đồng ý ly hôn mà yêu cầu hàn gắn.

Về con chung: Anh chị xác định có 02 đứa tên Nguyễn Thành S, sinh ngày 25/6/2000 và Nguyễn Như Y, sinh ngày 20/5/2001, các con đang sống chung với anh chị P. Khi ly hôn, anh chị thỏa thuận, chị P tiếp tục nuôi Y, anh N tiếp tục nuôi S, không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung và người khác nợ lại: Anh chị xác định không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp về HNGĐ xin ly hôn nên theo quy định tại các điều 28,35 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

[2] Mặc dù hôn nhân của chị P anh N được xác lập cách nay đã 17 năm và hoàn toàn tự nguyện, nhưng anh chị lại không ĐKKH theo quy định của pháp luật, theo quy định tại điều 9 Luật HNGĐ thì hôn nhân của anh chị không có giá trị pháp lý. Tại phiên toà anh N cho rằng vợ chồng có ĐKKH tại UBND xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau nhưng bị mất giấy ĐKKH, nhưng xét độ tuổi của chị P tại thời điểm anh chị xác lập quan hệ vợ chồng thì chị chưa đủ 18 tuổi, mặt khác chị P có làm đơn xin xác nhận được UBND xã P huyện T xác nhận anh chị không ĐKKH, do đó hôn nhân của anh chị không được pháp luật thừa nhận.

[3] Về con chung: Hai người con của anh chị đã lớn trên 7 tuổi, theo quy định tại điều 81 Luật HNGĐ, ngày 13/10/2017 Tòa án đã tiến hành ghi ý kiến của hai cháu, cháu Y có nguyện vọng được sống với chị P, cháu S có nguyện vọng sống với anh N, nguyện vọng của các cháu phù hợp với thỏa thuận của anh chị trong việc giao con cho mỗi người nuôi một đứa sau khi ly hôn là phù hợp. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con anh chị không yêu cầu nên Tòa không can thiệp điều chỉnh .

[4] Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Anh chị xác định không nợ ai và ngược lại.

[5] Về án phí HNGĐ chị P phải nộp theo quy định tại điều 147 BLTTDS.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 53,14,15,81,82,83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147 BLTTDS.

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Hồng Thị P với anh Nguyễn Thanh N.

2. Về con chung: Công nhận thỏa thuận của anh chị tiếp tục giao cháu Nguyễn Thành S, sinh ngày 25/6/2000 cho anh N trực tiếp nuôi, tiếp tục giao cháu Nguyễn Như Y, sinh ngày 20/5/2001 cho chị P trực tiếp nuôi, không ai đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con. Anh chị được phép tới lui thăm và dạy con không ai được ngăn cản, ngược lại anh chị không được lợi dụng vào việc thăm con gây cản trở đến việc anh chị nuôi con.

3. Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Anh chị xác định không có .

4. Án phí Hôn nhân và gia đình chị P phải nộp 300.000đ. Ngày 09/10/2017 chị đã dự nộp 300.000đ tại biên lai số 3775 được giữ y sung quỹ nhà nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Theo quy định tại Điều 269 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
ĐÃ KÝ**

Ninh Quang Thế